

VĂN HÓA DÒNG HỌ VIỆT NAM: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Bùi Quang Thanh^{1*}

¹*Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam*

**Email: thanhhaly@yahoo.com.vn*

Ngày nhận bài: 11/01/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 13/03/2024

Ngày chấp nhận đăng: 25/03/2024

TÓM TẮT

Một trong những đặc trưng của văn hóa Á – Đông là văn hóa dòng họ. Mặc dù mang một số nét chung trong văn hóa dòng họ của nhân loại như quan hệ huyết thống, sự cố kết các mối quan hệ từ phạm vi gia đình ra ngoài xã hội, văn hóa dòng họ Việt Nam truyền thống vẫn tự hiện diện những nét văn hóa mang bản sắc riêng, từ phạm vi không gian văn hóa làng bản, kéo dài hàng nhiều thế kỉ đến sự gắn kết giữa/với phong tục, tập quán, tín ngưỡng đến luật tục, hương ước trên tiến trình lịch sử hiện tồn của các dòng họ trong mối tương tác, ràng buộc lẫn nhau dưới sự chi phối của tư tưởng giai cấp thống trị trong tiến trình lịch sử văn hóa dân tộc. Bài viết bước đầu tìm hiểu và nhận diện văn hóa dòng họ truyền thống Việt Nam thông qua một số vấn đề lý luận và thực tiễn, hi vọng từ đó gợi mở hướng tiếp cận và thu nhận các giá trị văn hóa dòng họ tích cực để góp phần quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ, phát huy, chấn hưng nền văn hóa cộng đồng quốc gia đa dân tộc, trong điều kiện phát triển xã hội đương đại.

Từ khóa: *dòng họ, họ tộc, truyền thống, từ đường, văn hóa dòng họ.*

VIETNAMESE FAMILY CULTURE: THEORETICAL AND PRACTICAL ISSUES

ABSTRACT

One of the characteristics of the Asian-Oriental culture is family culture. Although there are some common features in family culture of all mankind, such as consanguinity and the cohesion of relationships from the family to the society, traditional Vietnamese family culture still has its own cultural features with unique identities, from the scope of village cultural space, spanning many centuries to the connection among/with customs, practices, beliefs to customary law and village convention in the process of the existing history of family lines in the interaction and mutual bindings under the influence of the ruling class's ideology in the process of national cultural history. This article initially explores and identifies traditional Vietnamese family culture through a number of theoretical and practical issues, thereby suggesting ways to approach and acquire positive family cultural values contributing to the cause of protecting, promoting, and revitalizing the multi-ethnic national community culture, in the context of current social development.

Keywords: *ancestral temple, clan, family culture, family line, tradition.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mẫu số chung của khoa học liên ngành khi tiếp cận lịch sử nhân loại đã cho thấy: Gia đình, dòng họ là những thực thể xã hội, xuất hiện từ rất sớm trên tiền trình hình thành và phát triển của loài người, trở thành một hiện tượng lịch sử – xã hội đặc biệt, mang tính phổ quát trên toàn thế giới. Không phải ngẫu nhiên mà một trong những ông tổ của Chủ nghĩa Mác – Phri-đrich Ăng-ghe-n (1820 – 1895), trong tác phẩm kinh điển nổi tiếng *“Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”*, xuất bản lần đầu tiên năm 1892, sau khi phân tích và nhận xét quá trình khảo sát của Lewis Morgan (1818 – 1881) tại công trình *“Xã hội thời cổ hay những con đường tiến bộ của loài người từ thời đại mông muội, qua thời đại dã man đến thời đại văn minh”* về thị tộc I-rô-qua và thị tộc Hy Lạp, đã quan tâm đến vấn đề tổ chức dòng họ. Từ khái quát về sơ đồ hình thành và phát triển của loài người và xã hội theo các chặng: *Con người/Chế độ hôn nhân > Gia đình > Dòng họ/Thị tộc > Nhà nước*, Ph. Ăng-ghe-n đi đến nhận xét: *“Nhưng gens trong tiếng La-tinh, genos trong tiếng Hy Lạp lại đặc biệt được dùng để chỉ một tập đoàn cùng dòng máu, tập đoàn này tự hào là cùng chung một dòng họ (ở đây là cùng chung một ông tổ) và được những thiết chế xã hội và tôn giáo nhất định gắn bó lại thành một cộng đồng riêng biệt mà cho đến nay, nguồn gốc và bản chất vẫn còn mù mịt đối với tất cả các nhà sử học của chúng ta”* (Ph. Ăng-ghe-n, 1972). Cũng từ đây, hàng loạt các công trình, bài báo khoa học của các thế hệ học giả ở hầu khắp các quốc gia từ hơn một thế kỷ qua đã quan tâm nghiên cứu chuyên sâu về lịch sử loài người, lịch sử các nền văn minh và lịch sử văn hóa các dân tộc, tộc người, trong đó đã tiếp cận nghiên cứu sự hình thành, cơ cấu tổ chức, vai trò xã hội của gia đình, dòng họ ở những cấp độ, mức độ và phạm vi khác nhau, góp phần làm sáng tỏ những khoảng tối hoặc “còn mù mịt” như đại diện chủ nghĩa Mác đã đặt ra.

Với Việt Nam, những chục năm trở lại đây, cùng với sự đổi mới về tư duy cũng như các hoạt động công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển kinh tế trên bước đường hội nhập quốc tế, trong đời sống văn hóa cộng đồng xã hội đã và đang có sự chuyển biến

manh mẽ về đời sống tâm linh, nở rộ các hình thức hoạt động liên quan đến dòng họ, thực hành thờ cúng tổ tiên và tâm lý hướng tâm tri ân cội nguồn. Từ thực tiễn sôi động đó, hàng trăm họ tộc đã đồng tâm chân hưng ý thức tri ân tổ tiên, chăm lo xây dựng dòng họ với các thiết chế văn hóa mang bản sắc từng họ tộc, thông qua việc xây dựng từ đường cùng các quy chế/thiết chế sinh hoạt, thực hành nghi lễ vừa sinh động đa dạng, vừa mang ý nghĩa giáo dục con cháu một cách thiết thực, sâu sắc. Cũng nhờ “không khí” chân hưng văn hóa dòng họ sôi động từ thực tiễn đó, các khoa học liên ngành đã và đang cho xuất hiện khá nhiều công trình, bài báo nghiên cứu chuyên sâu hoặc giới thiệu về các mô hình tổ chức, các mối quan hệ họ tộc, hệ thống các gia phả, tộc hệ cùng vai trò của dòng họ, danh nhân đối với vận mệnh lịch sử của dân tộc, đem lại những nguồn tri thức khoa học quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức của quảng đại công chúng về dòng họ và cội nguồn quốc gia, dân tộc nói chung. Chính vì thế, cho đến nay, cộng đồng dân tộc Việt Nam đã có chung một ngày Giỗ Tổ, tri ân tưởng nhớ “Các vua Hùng đã có công dựng nước” với hệ thống quần thể đền thờ tại vùng đất Nghĩa Lĩnh linh thiêng, cùng hàng chục đền thờ Quốc tổ Hùng Vương tại nhiều tỉnh thành (Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đắk Lắk, Lâm Đồng,...) và hàng trăm dòng họ tại hàng vạn làng quê đã và đang chăm lo xây dựng quan hệ họ tộc của mình, khôi phục hoặc tạo tác xây dựng từ đường cùng các nghi thức thực hành nghi lễ và lễ hội sôi động, mở rộng dần ra quan hệ họ tộc vùng miền và họ tộc chung đại diện trên phạm vi quốc gia, dân tộc, góp phần quan trọng mục tiêu *“... xây dựng con người Việt Nam thời kì đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia – dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỉ cương, sáng tạo”* (Nguyễn Phú Trọng, 2022).

Xuất phát từ những nhận thức tổng quan trên hành trình khoa học và thực tiễn liên quan đến vấn đề dòng họ, họ tộc ở Việt Nam từ xưa đến nay, bài viết này bày tỏ ý muốn

giới thiệu những nét chung nhất về vấn đề thiết chế văn hóa dòng họ thông qua sự hiện diện của từ đường và các mô hình kiến trúc, bài trí ban thờ cũng như tâm thức, hành vi thực hành nghi lễ tại hàng vạn làng quê và văn hóa dòng họ ở Việt Nam từ trước đến đương đại, cùng một số bàn luận từ góc nhìn văn hóa do trải nghiệm và ý thức của thế hệ hậu sinh những chục năm gần đây.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Việc nghiên cứu văn hóa dòng họ ở Việt Nam chủ yếu theo hai hướng:

Hướng tiếp cận văn bản học, trong đó khảo sát những nguồn tư liệu đã được văn bản hóa thông qua các công trình khoa học của các học giả trong, ngoài nước. Với văn hóa dân gian, nương theo tính đặc thù của loại hình nghệ thuật ngôn từ với đặc trưng truyền miệng, khi đã được văn bản hóa nhờ các ghi chép, đó chính là các văn bản bìa kìa, các tập sách sưu tầm của các nghệ nhân, các thầy đồ, nhà nho có chữ.

Hướng thứ hai, tiếp cận theo phương pháp điền dã dân tộc học, ghi chép, phỏng vấn, điều tra ở các dòng họ lớn, mang tính nổi trội, có lịch sử lâu đời. Từ các dữ liệu thu nhận được, tiến hành phân tích, tổng hợp để có những nhận diện và đánh giá khái quát, khắc họa sự hiện tồn của quan hệ dòng họ và văn hóa ứng xử với dòng họ cấu thành nên các giá trị và hệ giá trị từ phạm vi gia đình đến quốc gia, dân tộc.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Văn hóa dòng họ – một số vấn đề lý luận

Căn cứ theo nhận định của Ph. Ăng-ghen về tôn giáo của thị tộc Hy Lạp khi ông dẫn ra nhận định về một trong những cơ sở để tiếp cận thị tộc A-ten nói riêng: *“Những nghi lễ tôn giáo chung và độc quyền được cúng tế một vị thần nhất định, mà thị tộc coi là ông tổ của mình, và với danh nghĩa đó, vị thần ấy đã được thị tộc đặt cho một biệt hiệu riêng”* (Ph. Ăng-ghen, 1972), có thể thấy rằng, từ thuở xa xưa ấy, thị tộc đã tiến đến bước nhận thức của những nhóm người được tập hợp với nhau nhờ mối quan hệ huyết thống – một dạng thức ban đầu của dòng họ – đã có ý niệm về tổ tiên và thực hiện những hành vi tín ngưỡng thờ

cùng tổ tiên. Dù rằng, ban đầu mối quan hệ huyết thống này được xác định theo huyết thống người mẹ, tiêu biểu là thị tộc mẫu quyền... và phát triển dần rồi tiến tới mối quan hệ huyết thống xác định theo người cha trong thị tộc phụ quyền của người A-ten vùng Hy Lạp. Đó cũng chính là minh chứng cho thời điểm lịch sử xuất hiện khái niệm dòng họ cùng một huyết thống và ý niệm ứng xử thể hiện văn hóa dòng họ của nhân loại. Khi tiếp cận “Nguyên lý mẹ của nền văn hóa Việt Nam, cuối thế kỷ XX”, cố GS. Trần Quốc Vượng đã đề cập đến chuyện Vua Hùng – tổ dựng nước Việt Nam nằm trong số các con theo mẹ lên rừng lập nghiệp, dựng ra nhà nước Văn Lang và dẫn ra sách Hán thư của sử Trung Hoa trong quyển 116 chép rằng: “Người Việt không biết đạo cha con, không biết đạo vợ chồng”. Đồng thời cố GS còn dẫn chứng nhiều đảng/bậc vĩ nhân, kể từ Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế), Đinh Bộ Lĩnh đến rất nhiều vị đại thần thời Lý (1010 – 1226) mang họ mẹ mà không mang họ bố. Theo ông, dân gian Việt Nam cũng rất đề cao phụ nữ (Nhất vợ nhì trời, Con dại cái mang,...), cái gì to tát cũng đều được gọi Cái như sông Cái, đường Cái, thúng Cái, ngón tay Cái, cột Cái...; “đầu thập kỷ 90, tôi đi điền dã vùng người Việt miền Trung – Nam Trung Bộ (tổ tiên từ Bắc vô từ thế kỷ XI – XVI) tôi mới biết tài sản của bố mẹ đương nhiên thuộc về cô con gái út”. Rồi ông đi đến kết luận: “Nền văn hóa truyền thống Việt Nam đã từng có NGUYÊN LÝ MẸ!” (Trần Quốc Vượng, 2003) để minh chứng cho thứ văn hóa dòng họ mang tính bản địa và nét văn hóa thuần Việt, khác với văn hóa Trung Hoa du nhập.

Tiếp cận để tìm hiểu về các dòng họ và văn hóa dòng họ trong lịch sử Việt Nam, hàng loạt công trình đã quan tâm tìm câu trả lời nhưng thật khó đoán định một cách chính xác, cụ thể: Dòng họ và văn hóa dòng họ ở Việt Nam có từ bao giờ? Truyền thống của văn hóa dòng họ ở các làng quê ra sao? Thực ra, lần tìm trong sử sách chính thống, từ *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư* đến *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam thực lục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*,... hay các sách như *Dur địa chí* của Nguyễn Trãi và *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn... giới nghiên cứu đều cho rằng, hầu hết các sách vở trong

các triều đại phong kiến chủ yếu chỉ ghi chép hoặc nhắc đến tên các nhân vật nổi danh, những nét cơ bản về các dòng họ lớn vốn là dòng các vương triều hoặc một số đại tộc được coi vào hàng “*danh gia vọng tộc*”, ngoài ra, hầu như các dòng họ dân dã ở các làng quê không được nhắc đến. Trần Trọng Kim trong *Việt Nam sử lược* cho rằng, lịch sử nước ta bắt đầu từ “họ Hồng Bàng” (Trần Trọng Kim, 1999). Danh thần Hoàng Cao Khải trong *Việt sử yếu* lại nhận định Thái thú quận Cửu Chân là Nhâm Diên đến năm 25 sau CN mới dạy cho dân Việt biết phân biệt họ hàng (Hoàng Cao Khải, 2007). Giáo sư Nguyễn Đồng Chi thì suy đoán: “Chế độ phụ hệ vào thời đại Hùng Vương nói chung chưa vững vàng ổn định. Theo ông, câu văn: “*Người sinh ra mới biết dòng giống và họ*” trong *Hậu Hán thư* cho thấy, cho đến tận đầu Công nguyên, người Việt Nam mới biết nắm lấy cái then chốt để phát triển quan hệ thân tộc phụ hệ, tức là cái tên để chỉ dòng họ” (Nguyễn Đồng Chi, 1978). Phải đến khoảng giữa thế kỷ XX, giới khoa học liên ngành mới có sự quan tâm khảo sát, tìm hiểu về vấn đề dòng họ và văn hóa dòng họ của người Việt nói riêng và một số dân tộc khác trong cộng đồng dân tộc Việt Nam nói chung.

Công trình *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ* của Pie'rre Gourou (1900 – 1999) được công bố tại thủ đô Pháp năm 1933 trở thành sản phẩm khoa học đầu tiên tiến hành điều tra, thống kê tên các dòng họ ở vùng châu thổ sông Hồng (tỉnh Bắc Ninh với 93 dòng họ, châu thổ Bắc Kỳ với 202 dòng họ) và bước đầu đưa ra những nhận xét sơ bộ về tên họ và sự phân bố tại các làng xã, vùng miền (Gourou, 2003). Năm 1944, TS. Nguyễn Văn Huyền công bố công trình *Văn minh Việt Nam*, trong đó dành ngót 6 trang in khiêm tốn đề cập khái quát đến diện mạo họ và gia đình. Tuy vậy, có thể coi những trang tư liệu của học giả Nguyễn Văn Huyền có giá trị rất lớn để giúp các thế hệ hậu sinh nhận diện được những nét cơ bản về dòng họ Việt trong truyền thống. Theo ông, họ gồm tất cả những người xuất thân cùng một gốc: đồng tông, có một thủy tổ chung. Nói chung, tộc họ gồm chín đời (cửu tộc)... Ở trên mỗi người có cha mẹ hay phụ mẫu, rồi đến ông bà hay tổ phụ mẫu, cụ hay tăng tổ phụ mẫu, kỵ hay cao tổ

phụ mẫu. Dưới đó có các con hay tử, các cháu hay tôn, chắt hay tăng tôn, chắt hay huyền tôn. Như vậy tạo thành cửu tộc, từ cao tổ đến huyền tôn. Theo ghi chép của Nguyễn Văn Huyền, “Họ có một tài sản chung là từ đường (nhà thờ)... thường thường là nhà ở của trưởng tộc, xung quanh quây quần tất cả các chi: “họ”. Ở từ đường có để gia phả của “họ”. Trên ban thờ của từ đường, người ta để bài vị tổ tiên đến đời thứ 5 vì không thờ các vị xa hơn nữa. Mồ mả tổ tiên cũng là tài sản chung của “họ”... Gia phả còn ghi những quy tắc đạo đức và xác định các trường hợp một người con cháu bị coi là không xứng đáng hay bị loại khỏi “họ” (Nguyễn Văn Huyền, 2005).

Nối tiếp hai công trình trên, hàng loạt các công trình, bài báo, luận văn, luận án đã hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp nghiên cứu những vấn đề liên quan đến dòng họ và văn hóa dòng họ ở Việt Nam, mang lại những nhận diện cụ thể từ nhiều góc độ: văn hóa học, dân tộc học, nhân chủng học, nhân học văn hóa, xã hội học, tôn giáo học,... Học giả Đào Duy Anh, người được coi là học giả góp phần đặt nền móng cho nghiên cứu văn hóa Việt Nam trong công trình đề tài *Việt Nam văn hóa sử cương* (1938) đã quan tâm khảo sát, nhận diện quy trình tế tự ở gia tộc bên cạnh việc nghiên cứu gia tộc và dòng họ như một hình thái tổ chức kinh tế, sinh hoạt làng xã trong xã hội truyền thống. Học giả Từ Chi tiếp cận dòng họ và văn hóa dòng họ từ góc độ dân tộc học và văn hóa học, nhận diện từ đó những bộ phận cấu thành nên cơ cấu làng xã cổ truyền ở Bắc Bộ trong mối liên hệ giằng néo với các thành phần khác như phe, giáp, dòng họ, hội đồng kì mục, láng giềng,... GS. Trần Quốc Vượng mặc dù chỉ có *Đôi lời về văn hóa dòng họ ở Việt Nam* nhưng cũng đủ cứ liệu để phác họa một cái nhìn tổng quát về thân tộc, về dòng họ Việt với đặc điểm một người Việt Nam bình thường có 3 họ: *họ bố, họ mẹ, họ vợ chồng*. Ngoài ra, hàng loạt công trình, bài báo, luận văn, luận án đã nối tiếp nhau để nhận diện về dòng họ và văn hóa dòng họ ngày càng sâu sắc, hệ thống và toàn diện, từ cấu trúc, chức năng, giá trị và vai trò trong quan hệ cộng đồng, quan hệ làng xã, quốc gia, dân tộc. Đó là Phan Đại Doãn và Mai Văn Hai với *Quan hệ dòng họ ở châu thổ sông Hồng* (2000); Phillipe và Olivier với

Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: vấn đề còn bỏ ngỏ (2002); Nguyễn Hồng Hà với *Văn hóa dòng họ ở châu thổ Bắc Bộ* (2005); Ngô Văn Lê với *Làng và quan hệ dòng họ của người Việt ở Nam Bộ*; Phan Chí Thành với *Dòng họ và đời sống làng xã ở đồng bằng Bắc Bộ qua tư liệu ở một số xã thuộc huyện Thạch Thất – Hà Tây* (2006); Trần Ngọc Vương với *Văn hóa học tộc – một vấn đề văn hóa có tầm quan trọng chiến lược chưa được đánh giá và quan tâm tới mức cần thiết* (2010); Võ Hồng Hải với *Di sản văn hóa dòng họ và vấn đề nghiên cứu danh nhân văn hóa, phát triển nhân tài hiện nay (Qua khảo sát một số dòng họ tiêu biểu ở Hà Tĩnh)* (2012) và hai kỉ yếu từ hai cuộc hội thảo khoa học với hàng chục tham luận đóng góp nhiều kết quả nghiên cứu mới: *Văn hóa các dòng họ ở Nghệ An với sự nghiệp thực hiện chiến lược con người Việt Nam đầu thế kỉ XXI* (1997) và *Văn hóa dòng họ ở Thái Bình* (1999).

Chỉ cần đúc kết từ một số công trình khoa học được giới thiệu mang tính đại diện trên đây đã có thể thấy rằng dòng họ là một thực thể xã hội mang tính phổ quát của loài người. Nó hình thành trên cơ sở quan hệ huyết thống của một quần thể người nhất định thể hiện qua ý niệm về dòng dõi từ một ông tổ chung. Do vậy, dòng họ là một thực thể vừa mang tính sinh học vừa mang tính xã hội. Nó xuất hiện từ rất sớm trong xã hội loài người, trở thành một nguyên lí cốt kết giữa các con người sớm nhất, rồi biến đổi qua các thời đại và tồn tại cho tới tận ngày nay. Và như vậy, trên tiến trình hình thành và phát triển của mình, dòng họ với một cộng đồng người đã sản sinh, hun đúc, trao truyền qua các thế hệ trong những hoàn cảnh xã hội nhất định các giá trị văn hóa, đóng góp vào thành tựu chung của văn hóa làng xã, vùng miền, quốc gia và nhân loại. Chính vì thế, văn hóa dòng họ chính là một dạng thức của văn hóa dân tộc, văn hóa của một cộng đồng người mang tính đặc thù, “*có thể xem là một dạng đặc biệt của gia đình mở rộng, mà tác dụng chính đối với các thành viên của nó (tức là các gia đình nhỏ hợp thành nó) là tạo ra một niềm cộng cảm dựa trên huyết thống*” (Nguyễn Từ Chi, 2003). Và như vậy, văn hóa dòng họ bao gồm những giá trị văn hóa vật thể như từ đường, bia kí, gia phả, lăng mộ,... và những giá trị văn hóa phi

vật thể như tục thờ cúng tổ tiên, các thực hành nghi lễ trong dòng họ, quy ước dòng họ, các truyền thống và sinh hoạt lễ hội của dòng họ,... Suy cho cùng, văn hóa dòng họ chính là sản phẩm văn hóa từ cung cách ứng xử của các thành viên trong dòng họ với các di sản của dòng họ và với quan hệ giữa những cá nhân chung một huyết thống trong các không gian văn hóa cư trú, không gian văn hóa sinh kế, không gian văn hóa văn hóa tâm linh và không gian sinh hoạt văn hóa của riêng dòng họ hay của chung làng xã/làng xóm và xã hội nói chung.

3.2. Từ đường – không gian văn hóa linh thiêng của dòng họ

Cứ dựa theo truyền thuyết dân gian, người Việt đã có khái niệm về dòng họ từ đời các vua Hùng, cách ngày nay nhiều nghìn năm. Với hệ thống các câu chuyện đã được lịch sử hóa, kể về mười tám đời vua Hùng cùng hàng ngàn các vị thành hoàng làng xã, các vị thần tướng thời Hùng Vương được người dân tôn vinh, thờ phụng qua các bài cúng tế trong thực hành tín ngưỡng, đã được xướng danh nhiều chủ điện thờ có tên họ cụ thể tại các cơ sở thờ phụng (đình, đền, từ đường, miếu, điện,...) nhưng lại gần như không được ghi chép vào sử sách chính thống. Cũng do vậy, khảo qua sử sách, hiện chưa thể xác định được sự hiện diện của nhà thờ họ, phiên âm theo nghĩa Hán – Việt là “từ đường”, có từ bao giờ, lối kiến trúc của không gian dành cho việc thờ tự xuất hiện thời điểm cụ thể nào. Căn cứ vào ý thức và tâm thức của cộng đồng, giới khoa học giả định rằng, nhà thờ họ hay còn gọi là từ đường chỉ được sáng tạo và xuất hiện từ khi người Việt đã ý thức được tầm quan trọng của huyết thống dòng họ, từ đó cùng nhau hướng về cội nguồn, phụng thờ tri ân tổ tiên là vị thủy tổ sinh ra những người cùng dòng máu với mình, thứ nữa bên cạnh các vị đứng đầu các chi sau khi đã phân nhánh các chi của dòng họ.

Theo các từ điển đã chỉ dẫn, khái niệm “nhà thờ” có hai nghĩa: (i) Nhà thờ là “nhà để mà thờ phụng”: *nhà thờ tổ, nhà thờ họ*; (ii) Cũng gọi là giáo đường hay thánh đường, là nơi các tín hữu thờ phụng Thiên Chúa: *Đi lễ nhà thờ*. Theo nghĩa thứ nhất, *nhà thờ* là tiếng gọi tắt của nhà thờ họ hay nhà thờ tổ tiên, Hán Việt gọi là từ đường (祠堂); Hoặc theo điển

giải của soạn giả Phan Kế Bính: “Nhà thờ – Bao nhiêu con cháu dòng dõi trong một họ lập chung một nhà thờ thủy tổ, gọi là mồ tộc (Trần tộc, Nguyễn tộc, v.v.) từ đường. Nhà thờ ấy chỉ thờ riêng một thủy tổ và khi tế tự thì lấy các tổ tông biệt chi, biệt phái mà phối hưởng. Có họ không có nhà thờ thì xây một cái bàn lộ thiên, dựng bia đá ghi tên thủy hiệu các tổ tiên để khi tế tự thì ra tại đó mà tế. Có họ thì làm nhà thờ để cho chi trưởng nam đời đời giữ hương hỏa, chi trưởng tuyệt thì mới truyền sang chi thứ. Có họ thì con cháu luân lưu thờ tổ ở nhà riêng của mình. Những họ về chi khác, cũng có nhà thờ tổ tông trong bản chi, gọi là bản chi từ đường. Nhà thường dân không có nhà thờ riêng thì thờ tại nhà mình ở. Dẫu nghèo cũng có một bàn thờ”. Như vậy, nhà thờ họ hay từ đường, gọi chung là **từ đường dòng họ** là không gian văn hóa tâm linh dành riêng cho việc thờ cúng tổ tiên của một dòng họ hay từng chi họ tính theo phụ hệ (dòng của người cha) và không gian phụ liên kết (trừ gian chính đặt ban thờ) dành cho hội họp của hội đồng gia tộc hoặc hội đồng trưởng lão cùng con cháu (traí đình) trong dòng họ mỗi khi cần chuẩn bị cho lễ tiết hoặc sự kiện nào đó của dòng họ. Đối với dòng họ lớn, sau khi đã phân chi, nhà thờ của dòng trưởng nam sẽ là nơi được phép lưu giữ gia phả gốc và thờ phụng cụ thủy tổ sinh ra dòng họ. Nhà thờ của chi trưởng nam được gọi là **nhà thờ đại tôn**. Các nhánh họ khác từ đời thứ năm trở xuống đều có thể xây tạo cho chi của mình nơi thờ cúng riêng từ đời ông tổ chi trưởng, gọi chung là nhà thờ chi họ (còn gọi là nhà thờ cửa họ, nhà thờ nhánh họ). Xin lấy ví dụ: Ngôi từ đường của dòng họ Nguyễn tọa lạc tại thôn Đông, xã Sơn Đông, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là tài sản của các tiền nhân để lại, phụng thờ cụ thủy tổ Thân Đức dòng họ **Nguyễn đại tôn** ở Sơn Đông, do chi trưởng của chi Nguyễn Viết chủ sự nhang khói lễ tiết trong năm. Các chi thứ trở xuống, ngoài việc phải đến dâng hương biện lễ tại nhà thờ đại tôn do chi trưởng giữ vai chủ sự, đều có nhà thờ các chi như chi Trung, chi Nguyễn, chi Kim, chi Bá phụng thờ từ đời ông tổ chi trưởng của chi mình.

Từ đường dòng họ nói chung thường được xây cất với quy mô, kiến trúc tùy thuộc vào khả năng kinh tế tài chính và sức đóng góp của các

suất đình (suất họ – từng thành viên nam) và theo địa vị xã hội của những người có chức sắc, thành đạt trong dòng họ. Từ đường dòng họ hiện diện ngày nay tạm chia làm hai loại: loại được coi là cổ kính lâu bền về thời gian vốn được xây dựng từ hàng trăm năm trước, được con cháu qua các đời bảo vệ, tôn tạo, trùng tu khi cần thiết và loại mới được xây dựng hoàn toàn mới lấy theo khuôn mẫu truyền thống, nguyên liệu có thể thuần gỗ quý hoặc bê tông giả gỗ tùy theo điều kiện kinh tế cho phép.

Nhìn theo kiến trúc chung cho từ đường dòng họ mang tính phổ biến, ở các làng quê Việt thường xây dựng chủ yếu ba gian hai dĩ hoặc năm gian hai dĩ, theo hướng chính nam hoặc hướng lệch đông nam, gian giữa bao giờ cũng được dành cho việc xây đặt ban thờ, bệ thờ, đặt các linh tọa hoặc giá gương, tựa vào tay ngai chạm khắc hình rồng (còn gọi là long ngai), trên ngai đặt bài vị tổ tiên hoặc tráp gỗ quý được sơn son thếp vàng, phủ nhiễu ngoài, trong đựng gia phả. Thông thường, trên ban thờ luôn hiện diện đồ thờ bao gồm một bộ đèn nến, lư hương, bình hoa, mâm bông, đài rượu, hộp trà, đài nước. Phía trên chính giữa treo bức hoành phi đại tự (ba hoặc bốn chữ) và đôi liễn treo hai bên ban thờ, được khảm trai hoặc sơn son thếp vàng. Cả phần mặt tiền của ban thờ còn được chạm khắc cửa vồng với các hoa văn đẹp mắt, màu sắc thâm nghiêm, tất cả tạo nên vẻ uy nghiêm, sang trọng. Ban thờ chính chỉ được phép dâng bày hương hoa, vàng mã hoặc đồ thờ cúng chay thuần khiết. Phía thấp hơn ban thờ chính là một bàn gỗ không có đỉnh, dành để bày đặt cỗ mặn hoặc đồ tế lễ do con cháu dâng lễ. Những dòng họ lớn, có cá nhân đóng góp công lao với dân với nước, được nhà nước ban thưởng vinh danh (như dòng họ Nguyễn đại tôn Sơn Đông chẳng hạn) thường xây dựng quần thể kiến trúc từ đường hoành tráng, có tiền đường, trung đường và hậu cung; trong không gian thờ tự thường lưu giữ các bảo vật quý như đại tự, sắc phong, câu đối, bài vị, tượng thờ, tế khí, ... Tại hai gian kế bên, thông thường các dòng họ bố trí dành cho không gian phụng thờ Bà Cô và Ông Mãnh, những đối tượng được coi là linh thiêng luôn phù hộ độ trì cho con cháu các đời. Dòng họ Nguyễn đại tôn ở Sơn Đông là một trong những dòng họ có “kế thế đẳng khoa phụ – tử – tôn”, được vua Lê Hy Tông ban tặng bức

hoành phi khắc hai chữ “Thế Thất” cùng nhiều câu đối, danh hiệu do triều đình truy tặng, ban tặng cho các danh nho đỗ đạt, khoa bảng là con cháu của dòng Nguyễn đại tôn. Do vậy, từ đường dòng họ đã được xây dựng từ rất sớm, đầu đời nhà Hậu Lê, trải qua trùng tu, tôn tạo nhiều lần trên diện tích 3.000 mét vuông với kiến trúc lộng lẫy của tòa hậu cung và tiền đường chữ nhị năm gian hai dĩ, cùng hai tòa tả vu, có sân tể rộng nối liền cổng nội ra cổng ngoại bằng đường chính đạo. Chính vì thế, năm 1986, từ đường dòng họ Nguyễn đại tôn Sơn Đồng đã được nhà nước cấp bằng di tích lịch sử – văn hóa quốc gia.

Trong khoảng gần ba chục năm trở lại đây, khi không khí chân hưng văn hóa dòng họ một cách sôi nổi và rộng khắp, hàng trăm dòng họ cư trú tại các làng quê đã có điều kiện dựng xây từ đường cho dòng họ mình. Hàng loạt ngôi từ đường mới ra đời nhưng luôn tuân thủ hình thức tạo dáng theo các kiến trúc truyền thống và đảm bảo chế tác các đồ nội thất vẫn theo kích cỡ hoặc hình thức như trong truyền thống. Với sự phát triển của kinh tế văn hóa xã hội trong điều kiện đương đại, nhiều con cháu của các dòng họ làm ăn thành đạt đã trở thành các trụ cột công đức cho việc xây dựng từ đường, khởi xướng nhiều hoạt động của dòng họ trong không gian văn hóa tâm linh, góp phần thắt chặt quan hệ tình cảm của con cháu cùng huyết thống, trở thành những tấm gương cho thế hệ trẻ hiện nay.

Đặc biệt, những năm gần đây, khá nhiều dòng họ đã tiến tới xây dựng từ đường dòng họ cấp quốc gia, nghĩa là xây dựng công trình hoành tráng phục vụ và đáp ứng chức năng một từ đường của toàn bộ những người mang chung một họ ở Việt Nam. Nhà thờ họ tộc cấp quốc gia này thường do hội đồng dòng họ hội họp bổ nhiệm và đứng ra thay mặt họ tộc quản lí, đáp ứng nhu cầu tụ hội của con cháu trong, ngoài nước về tụ hội. Và như vậy, khái niệm từ đường dòng họ không còn bó hẹp không gian đón tiếp con cháu trực hệ nữa (cùng một ông tổ đích thực, quan hệ mang tính huyết thống, được dẫn giải thông qua gia phả, ngọc phả của dòng họ) mà đã mở rộng cho bất kể những ai có danh tộc họ của chủ điện thờ trong ban thờ từ đường, bất kể người đó cư trú ở vùng, miền nào, thậm chí cư trú tại các

nước khác nhau trên thế giới, thậm chí đã có đời con cháu không còn hoặc khó khăn trong giao tiếp ngôn ngữ mẹ đẻ của tộc họ mình.

Với các dạng nhà thờ họ mang cấp quốc gia như của các dòng họ lớn đang hiện diện ở nhiều địa phương, bên cạnh sự hoành tráng về kiến trúc, diện tích mặt bằng xây dựng so với từ đường dòng họ truyền thống và sự cởi mở cho đối tượng thực hành nghi lễ từ hàng ngàn, hàng vạn các họ tộc huyết thống, các chi họ từ bốn phương hành hương tụ hội, mọi lớp lang nghi lễ và trong không gian thiêng của từ đường vẫn được đảm bảo thực hiện các chức năng của một từ đường trong truyền thống, vẫn đảm bảo thực hành theo quy ước bất thành văn về đồ vật thiêng, lời nói thiêng, hành vi thiêng trong không gian thiêng được mọi thành viên trong dòng họ đồng thuận và quy thuận.

Từ đường dòng họ được xây dựng để đáp ứng những chức năng chung theo phong tục tập quán của một vùng văn hóa nhưng đồng thời chủ yếu để đáp ứng những chức năng theo yêu cầu của con cháu trong một dòng họ nhất định, tạo ra bản sắc riêng nào đó của dòng họ. Chức năng trước hết của từ đường dòng họ nhằm đảm bảo là nơi linh thiêng dành để thờ cúng các vị Cao, Tăng, Tổ, Khảo của dòng họ. Ngày giỗ thường niên được coi trọng trước hết là ngày đại húy kỵ thủy tổ của dòng họ. Vào ngày giỗ tổ này, con cháu tụ tập dâng lễ cúng dưới sự chủ trì của tộc trưởng sau đó hạ lễ thụ lộc. Ngoài ra, mỗi dòng họ còn có ngày cúng tế thường niên riêng, gọi là ngày hiệp tế, trong đó con cháu tổ chức ngày giỗ chung của các vị tổ tiên và các bậc tiền nhân đã khuất của dòng họ. Một số dòng họ còn tổ chức dâng lễ trong ngày giỗ các vị danh nhân, liệt sĩ, những người có công với đất nước và là thành viên của dòng họ hoặc có ơn với dòng họ nên phải mang ơn tri ân thờ phụng. Ngoài những ngày được coi là đại húy kỵ (ngày giỗ) của thủy tổ và các nhân vật nêu trên, vào các ngày lễ tiết trong năm, ngày sóc, vọng trong tháng, đặc biệt là các dịp lễ Tết, thanh minh, con cháu bao giờ cũng được yêu cầu có mặt để dâng hương hoặc tham dự kỉ tế lễ tại từ đường dòng họ.

Từ đường dòng họ còn đảm nhận chức năng phục vụ không gian cho mỗi kì hội họp của hội đồng gia tộc hoặc hội đồng trưởng lão

và đại diện cho cả họ tộc nói chung nhân sự kiện hoặc tình huống nào đây phát sinh trong dòng họ. Chẳng hạn, các cuộc họp bàn về lễ tiết, tổ chức sự kiện, hòa giải mâu thuẫn hoặc tranh chấp trong họ tộc,... dưới sự chủ trì của tộc trưởng cùng đại diện hội đồng gia tộc.

Từ đường dòng họ còn đảm nhận việc phục vụ cho các cuộc giao lưu gặp gỡ của con cháu các thế hệ trong dòng họ, phục vụ công tác đối ngoại, đón tiếp các du khách của các dòng họ khác hoặc du khách từ các vùng quê khác về thăm quê hương.

Chính vì thế, bên cạnh chức năng hiện diện các lễ vật phục vụ tế lễ thường lệ trong năm, từ đường dòng họ còn là nơi trưng bày tranh ảnh, hiện vật liên quan đến thành tựu, chiến công hay các tấm gương trong sự nghiệp của các thành viên trong dòng họ, đặc biệt là di sản của các thế hệ tiền nhân, có ý nghĩa và giá trị giáo dục con cháu trong điều kiện phát triển xã hội đương đại. Hàng loạt các hình thức sinh hoạt của các nhóm hội người cao tuổi, cựu chiến binh, khuyến học khuyến tài, hội dâu gái của dòng họ,... đã biến từ đường dòng họ thành không gian giao lưu văn hóa, gặp mặt và tôn tạo các mối quan hệ làm ăn, học tập, lao động,... có ý nghĩa tích cực, góp phần xây dựng truyền thống quan hệ của dòng họ ngày một bền vững.

Và như vậy, với các chức năng đáp ứng mục tiêu xây dựng thiết chế trong không gian văn hóa linh thiêng nhất của mỗi họ tộc, từ đường dòng họ cũng là không gian trung tâm nảy sinh, nuôi dưỡng cho các biểu hiện ứng xử của các thành viên với họ tộc, với các thân tộc cùng chung huyết thống để từ đó hình thành nên *văn hóa dòng họ* và hướng tới xây dựng một *dòng họ văn hóa* ở các làng quê, tùy theo hoàn cảnh lịch sử và điều kiện phát triển của xã hội trên tiến trình lịch sử.

3.3. Văn hóa dòng họ Việt Nam trong truyền thống

Văn hóa dòng họ truyền thống được thể hiện một cách trang trọng, linh thiêng nhất tại từ đường – không gian được cả dòng họ coi trọng và chăm sóc kỹ lưỡng nhất thường nhật cũng như các ngày lễ tiết hoặc có sự kiện của dòng họ trong năm. Với chức năng trước hết là nơi thờ cúng các vị Cao, Tăng, Tổ, Khảo

của họ tộc mà cao cả nhất là vị thủy tổ đã khai sinh ra bản quán cho con cháu dòng họ sinh cơ lập nghiệp kể từ đó đến hiện thời; đồng thời có thể còn phối thờ, lập bài vị những người có công với dòng họ, có công với dân với nước nói chung và có thời khắc đã đến không gian hiện hữu của dòng họ, ban ơn hoặc trao tặng một kỉ vật nào đó cho người dân trong họ, được ghi nhớ và tri ân. Ngày lễ trọng tại từ đường trước hết và quan trọng nhất chính là ngày đại húy kỵ thủy tổ, còn gọi chung là giỗ tổ thường niên, ngoài ra còn có thể là nơi hiệp tế để tổ chức giỗ chung các vị tổ tiên của dòng họ hoặc tổ chức cúng tế nhân các sự kiện khác trong năm. Tại từ đường, ngoài các dịp lễ trọng trong năm, con cháu còn tụ hội dưới sự điều hành của tộc trưởng hoặc hội đồng trưởng lão, hội đồng gia tộc vào các thời điểm lễ, tết, thanh minh, hoặc lễ tiết nào đó cần thiết do họ tộc yêu cầu. Có thể nói, tục thờ cúng thủy tổ và tổ tiên nói chung tại từ đường đã tạo nên nét đẹp văn hóa mang tính truyền thống và có ý nghĩa giáo dục con cháu rất sinh động và sâu sắc của các dòng họ nói chung. Những dòng họ không có từ đường thì lại ứng xử bằng các hình thức khác theo phong tục, tập quán riêng của dòng họ mình, phù hợp với điều kiện kinh tế và nhu cầu tình cảm của các thế hệ con cháu. Chẳng hạn, xây một bàn thờ lộ thiên, kiên cố, dựng bia đá ghi tên thủy hiệu các tổ tiên để tạo thành không gian tế tự cho dòng họ và người trong họ có nhu cầu tâm linh. Các dòng họ lớn có nhiều chi, ngoài nhà thờ tổ chung do tộc trưởng giữ vai trò coi sóc, hương khói, các chi vẫn tùy theo điều kiện mà xây lập nhà thờ của chi, gọi là *bản chi từ đường*, chức năng giống như những nét chung của nhà thờ đại tôn do tộc trưởng cầm trịch.

Gắn chặt với sự hiện diện của từ đường, các dòng họ còn rất coi trọng gia phả. Thông thường, dòng họ có gia phả trước hết thể hiện đó là họ tộc có người biết chữ nghĩa, có học, đủ sức ghi chép (trước đây ghi chép chủ yếu bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, chỉ đến khi có chữ quốc ngữ mới có dòng họ ghi gia phả bằng chữ quốc ngữ) theo thứ tự trước sau và họ tên, chức tước cũng như ngày sinh, ngày mất của tổ tông và các thế hệ của các chi trong toàn họ tộc. Những họ tộc đại tôn có điều kiện kinh tế hoặc con cháu có công trạng, khoa

bảng thì được ghi chép cả công trạng cũng như sự nghiệp của thành viên đó trong họ. Nội dung của gia phả chứa đựng nhiều ý nghĩa và giá trị. Với các thế hệ hậu sinh, gia phả là cẩm nang để giáo dục theo truyền thống của dòng họ về ý thức cội nguồn, công lao các bậc tiền nhân đề tu dưỡng, phát huy truyền thống dòng họ, nhắc nhở các ngày giỗ chạp; đồng thời giúp cho con cháu biết được quan hệ tình cảm, thứ bậc trong họ và thắt chặt khối đoàn kết cộng đồng họ tộc, bảo vệ giúp đỡ nhau trong cuộc sống và sự nghiệp nói chung. Nhiều gia phả của các dòng họ lớn hoặc gắn với các cá nhân có công với dân với nước trong lịch sử dân tộc còn là nguồn tài liệu quý, góp phần bổ khuyết cho tư liệu chính sử hoặc sự kiện, nhân vật lịch sử của quê hương, đất nước nói chung.

Nói đến văn hóa dòng họ, không thể không đề cập đến giá trị của mô mã, mà cao cả và quan trọng nhất là ngôi mộ tổ của dòng họ và di sản văn hóa phi vật thể đi kèm. Việc chăm sóc huyết mộ luôn được các dòng họ đưa ra như một nhiệm vụ thiêng liêng của người sống với người đã khuất. Trong truyền thống, nhiệm vụ này được quán triệt thông qua thực hành các hình thức nghi lễ khất khe, theo các lớp lang chặt chẽ, từ sắm sửa đồ tế lễ đến trang trí không gian tế tự, thực hành tế tự theo bài bản vừa cầu kì, cẩn trọng, vừa trang trọng, sùng kính. Với quan niệm “mô mã tổ tiên cũng là tài sản chung của họ” (Nguyễn Văn Huyền, 2005), cho nên, mọi cá nhân trong họ tộc đều có ý thức coi chăm sóc mô mã của dòng họ là trách nhiệm thiêng liêng. Bởi lẽ: “Việc tế tự tổ tiên không phải chỉ cốt cho linh hồn tổ tiên khỏi khổ mà còn có ý nghĩa sâu xa hơn nữa, là nhớ ơn sinh thành của tổ tiên... và lưu truyền nòi giống mãi mãi về sau... cho nên ta có thể cho rằng tế tự tổ tiên là lấy sự duy trì chủng tộc làm mục đích” (Đào Duy Anh, 2006).

Trong chuỗi liên kết văn hóa giữa văn hóa vật thể với văn hóa phi vật thể của văn hóa dòng họ nói chung, các thiết chế gia đình, dòng họ luôn là nơi sản sinh, tái tạo, bảo vệ và lưu truyền các giá trị văn hóa của dòng họ từ các đời dồn tụ lại như ý thức về tổ tiên, cội nguồn, mối quan hệ gắn kết cộng đồng, ý thức ứng xử theo tôn ti thứ bậc, gìn giữ gia phong, tinh thần

tương thân tương ái giữa các thành viên trong họ tộc... góp phần tạo nên các giá trị văn hóa gia đình, đóng góp vào quá trình xây tạo hệ giá trị văn hóa chung cho làng xã, cho vùng miền và rộng lớn hơn cả là quốc gia, dân tộc. Cũng vì thế, mối quan hệ giữa ban thờ gia tiên ở từng gia đình với ban thờ chung tại từ đường dòng họ và các thực hành nghi lễ kèm theo luôn luôn mang tính thống nhất, hỗ trợ cho nhau, bảo đảm cho sự bền vững của văn hóa dòng họ qua các đời. Về góc độ này, có thể thấy khá rõ ở những dòng họ đại tôn có các cá nhân thành đạt trong khoa bảng, đóng góp công lao to lớn vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc. Đó là các dòng họ được xếp vào hàng *dòng họ có văn hóa* hoặc *dòng họ thuộc dạng danh gia vọng tộc*, đáp ứng được các tiêu chí *Kì quan* (có nhiều người làm quan), *Kì khoa* (có nhiều người đỗ đạt) và *Kì học* (có nhiều người theo nghiệp bút nghiên). Đó cũng đồng thời đáp ứng được tiêu chuẩn của một vọng tộc văn hóa, trong đó, luôn được thể hiện là dòng họ coi trọng việc giáo dục cho con cháu, có người thành công trong sự nghiệp khoa cử, dòng họ có nhiều nhân tài, nơi cư trú và sinh kế của họ tộc trở thành trung tâm văn hóa của khu vực và đóng góp vào sự phát triển của đời sống văn hóa của địa phương cũng như xã hội nói chung. Đó là các dòng họ nổi danh như họ Vũ ở Bình Giang, Hải Dương; họ Hồ ở Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An; họ Nguyễn ở Tiên Điền, Nghi Xuân, họ Nguyễn Huy ở Trường Lưu, Can Lộc, Hà Tĩnh; họ Lê Hữu ở Mỹ Hào, Hưng Yên; họ Nguyễn ở Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội; họ Thân ở Yên Ninh, Việt Yên, Bắc Giang; họ Ngô Thị ở Thanh Oai và họ Nguyễn đại tôn ở Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội... Và đương nhiên, nổi trên các dòng họ bình dân đó hiện là các dòng họ Ngô, Đinh, Lý, Lê, Trần, Mạc, Nguyễn... những hoàng tộc đời đời nối nghiệp đế vương, thay nhau giữ gìn bờ cõi, tôn tạo nên truyền thống khai canh lập quốc, trị nước an dân, dâng hiến cho quốc gia những nhân tài kiệt xuất, góp phần làm “rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta” trên tiến trình lịch sử dân tộc.

Nhìn lại tiến trình lịch sử văn hóa, nếu coi những nhận thức về dòng họ và văn hóa dòng họ của người Việt có từ khoảng những năm đầu Công nguyên, thì văn hóa dòng họ bản địa nói chung đã được thử thách, tôi luyện

qua mưu đồ đồng hóa của nghìn năm Bắc thuộc, của môi trường văn hóa do các triều đại phong kiến tự chủ với sự áp đặt của các thiết chế Nho giáo qua ngót mười thế kỉ và đương đầu với sự áp chế của văn hóa phương Tây gần trăm năm. Cũng từ đây, văn hóa dòng họ Việt Nam đã và đang bị ảnh hưởng, tác động từ văn hóa ngoại bang cũng là lẽ thường tình. Chỉ có điều, mặc dù bị đặt trước những thách thức khắc nghiệt của lịch sử, văn hóa dòng họ Việt vẫn bảo lưu được những nét văn hóa bản địa một cách bền vững, vẫn giữ được bản sắc của tục thờ cúng tổ tiên, tri ân cội nguồn, gắn kết cộng đồng tương thân tương ái từ họ tộc mở rộng ra làng xã và cộng đồng dân tộc nói chung, tạo cơ sở cho sức mạnh văn hóa bản địa làm nên các giá trị văn hóa gia đình – dòng họ và hệ giá trị văn hóa dân tộc, quốc gia. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, văn hóa dòng họ trải qua ách đô hộ của nghìn năm Bắc thuộc và các triều đại phong kiến quân chủ với tư tưởng Nho giáo làm rường cột và sự tác động sâu sắc của hệ thống thân tộc Trung Hoa, không ít những hạn chế, ngáng trở của cách ứng xử trong văn hóa dòng họ đã áp đặt lên đời sống văn hóa xã hội bằng những thứ thiết chế tiêu cực, phản văn hóa, phản giá trị. Đó là những tư tưởng trọng nam khinh nữ, tư tưởng tộc quyền thể hiện khá rõ trong hoạt động quản lí làng xã và thói lợi dụng, lạm dụng lễ thói, tập quán dòng họ để gây bè phái, chen ép lẫn nhau, quá đề cao cách ứng xử tôn ti mà bảo thủ thói gia trưởng, phá vỡ khối đoàn kết cộng đồng. Thậm chí, không ít vấn đề thuộc về gia đình, gia tộc đã được bộ máy cai trị tầm quốc gia luật hóa phục vụ cho hoạt động của tổ chức xã hội, chi phối và quy định khá chặt chẽ mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và quan hệ với làng xã, cũng như xã hội nói chung. Mang nặng tư tưởng của Nho giáo, các Bộ luật Hồng Đức, Bộ luật Gia Long đã nhiều trăm năm duy trì những điều luật kìm hãm sự tự do của dòng họ cũng như cá nhân con người, vi phạm quyền làm người như cách nói của con người đương đại. Chẳng hạn, Điều 94 Bộ luật Gia Long không cho phép cá nhân, thậm chí gia đình của cá nhân đó được tự do định đoạt việc hôn nhân của mình: *“Trong một đám hôn lễ, người trưởng tộc có ứng thuận thì mới được”*. Và hàng loạt

cảnh phạt vạ tại các dòng họ và các làng xã cùng nhiều quy ước thành văn (thể hiện qua tộc phả, tộc ước, phả hệ,...) hoặc bất thành văn (thể hiện qua luật tục, phong tục, tập quán) trong cộng đồng thân tộc, gây nên không ít cảnh ngang trái, ngáng trở sự vận động phát triển của xã hội.

3.4. Văn hóa dòng họ Việt Nam đương đại

Là một yếu tố có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành văn hóa làng xã Việt Nam, trải qua nhiều thế kỉ, văn hóa dòng họ cũng luôn luôn có sự vận động, phát triển, có sự biến đổi và tiếp biến để mang dấu ấn phù hợp với điều kiện của xã hội đương đại. Chính vì thế, văn hóa dòng họ trên tiến trình lịch sử cũng luôn có sự cải biến, du nhập/tiếp nhận/tiếp thu những nét văn hóa mới và loại bỏ hoặc làm mai một không ít các giá trị văn hóa cũ (nhiều khi đã từng được coi là chuẩn mực giá trị văn hóa một thời) không còn phù hợp với bối cảnh xã hội hiện tại. Cốt lõi văn hóa truyền thống của văn hóa Việt Nam là văn hóa làng. Và, văn hóa dòng họ cũng qua hàng nghìn năm được vây hãm trong không gian trời buộc khép kín của lũy tre xanh, tự cung tự cấp, tự quản, làm cho hoạt động nội bộ của dòng họ luôn thắt chặt khối đoàn kết, tương trợ, “lá lành đùm lá rách”, “tắt lửa tối đèn có nhau”,... Sự cố kết cộng đồng cũng vì thế mà bền vững, gắn kết. Không gian văn hóa truyền thống của văn hóa làng tất yếu sẽ nảy sinh và nuôi dưỡng cho thứ văn hóa dòng họ mang những giá trị căn cốt, thể hiện bản sắc văn hóa bản địa cũng như dấu ấn bị tác động, ảnh hưởng từ văn hóa ngoại lai như đã đề cập trên đây.

Bước vào thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, văn hóa dòng họ tất yếu cũng bước vào không gian văn hóa vừa mới vừa cũ, làm quen với nhịp sống mới vừa lạ vừa quen, cho dù những thực hành văn hóa tín ngưỡng của dòng họ vẫn được duy trì những bản chất cốt lõi, vẫn được bảo vệ, nối truyền các yếu tố cốt lõi mang tính bền vững của hồn cốt văn hóa họ tộc qua các thế hệ.

Từ đường dòng họ giờ đây vẫn là không gian thiêng liêng nhất của dòng họ, nơi thực hành các lễ tiết, nghi lễ truyền thống do các bậc tiền nhân trao truyền và vẫn đảm nhiệm các chức năng văn hóa của dòng họ như xưa.

Chỉ có điều, không gian văn hóa ở từ đường hiện tại đã là không gian văn hóa mở. Từ không gian thiêng nơi đặt hậu cung (nếu có) và các ban thờ tự không thể vi phạm, từ đường dòng họ đã rộng cửa đón tiếp tất cả con cháu vào các ngày lễ tết hoặc có sự kiện của dòng họ trong năm. Sự bình đẳng nam nữ cũng như tôn trọng quyền con người của mỗi thành viên trong họ mạc đã và đang diễn ra theo lẽ tự nhiên, được pháp luật bảo hộ và thiết chế văn hóa mới của chế độ đáp ứng. Vào những ngày trọng đại của dòng họ (ngày giỗ tổ, ngày lễ tết, ngày hiếu, hỉ, tân gia, ... của các gia đình trong họ tộc), con cháu nội ngoại lại có cơ hội quây quần về từ đường để tưởng nhớ, tri ân tổ tiên, đọc hoặc kể cho nhau nghe về tộc phả, nhắc nhở nhau các mối quan hệ tôn ti họ hàng và tổ chức liên hoan văn nghệ hoặc ẩm thực tùy theo điều kiện cho phép.

Những chục năm gần đây, đa số các dòng họ đã lập ra các quỹ khuyến học, khuyến tài, động viên, kích thích con cháu trong họ tộc phấn đấu học tập, tu dưỡng để phát huy truyền thống dòng họ, đóng góp cho quê hương đất nước, mang lại vinh dự cho gia đình, dòng họ. Nhiều dòng họ lớn còn có những hình thức lập ra các hội hoặc câu lạc bộ, tham gia liên kết giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, hỗ trợ con cháu học tập, bố trí nơi công tác, ổn định cuộc sống nói chung.

Trong điều kiện phát triển, đô thị hóa hiện nay, các làng quê đa phần đã và đang đứng trước hoàn cảnh “neo người” mỗi khi dòng họ có công việc hiếu hỉ. Lực lượng nòng cốt của dòng họ (nam thanh nữ tú) càng ngày càng giảm thời gian dành cho việc chung của họ hàng, làng xóm. Sự gắn bó giữa các gia đình trong dòng họ có nguy cơ ngày một lỏng lẻo. Giới trẻ đã và đang có hiện tượng không quan tâm một cách tự giác đến công việc chung và truyền thống của họ tộc. Lối sống cá nhân chủ nghĩa đang dần lấn át quan hệ họ tộc và sức mạnh cố kết cộng đồng trong dòng họ như xưa. Đan xen trong tốc độ phát triển kinh tế trong điều kiện công nghiệp hóa, đô thị hóa, không ít những giá trị nề nếp gia phong truyền thống trong gia đình đang có nguy cơ mai một. Hiện tượng người trong cùng họ tộc nhưng không biết tên tuổi, công việc và đời sống của nhau, lớp trẻ mới lớn lên không hiểu

biết gì về nguồn cội quê hương bản quán, về dòng họ của mình dường như đã và đang trở thành phổ biến ở hầu khắp các địa phương đang bị phương tiện và điều kiện sống hiện đại tác động, cuốn hút.

Bên cạnh đó, văn hóa dòng họ có bước phát triển mới, hiện đã và đang trở thành dòng chủ lưu định hướng cho sự vận động và phát triển của dòng họ trong điều kiện vận động của xã hội đương đại. Đó là bước đột phá trong vấn đề quản lý dòng tộc, xây dựng cho dòng họ bộ máy tổ chức riêng mang tầm quốc gia. Nhiều dòng họ (tiêu biểu của dân tộc Kinh/Việt) đã và đang thành lập các *Hội đồng gia tộc* hoặc *Ban liên lạc dòng họ* các cấp, từ cấp mang vai trò toàn quốc đến cấp tỉnh, cấp huyện và cấp cơ sở để tạo nên đầu mối kết nối các chi, nhánh cùng họ tộc trên phạm vi cả nước và con cháu đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài để thành lập một hội đồng họ tộc bề thế, quy mô với sự tham gia, can dự của các vị trưởng tộc, trưởng chi có tiếng nói nhất định ở các địa phương, trong đó có không ít các thành viên là quan chức, giữ các vị trí lãnh đạo cao trong các cơ quan sự nghiệp hành chính nhà nước, từ trung ương xuống cấp cơ sở, các doanh nhân thành đạt của địa phương. Các Hội đồng gia tộc hoặc các Ban liên lạc dòng họ này đều xây dựng được các quy chế, điều lệ đáp ứng mục tiêu quản lý họ tộc mình trên các phương diện sinh hoạt văn hóa tâm linh tự nguyện, giúp đỡ nhau về kinh doanh, sự nghiệp, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong nội tộc, đề xuất phương thức xây dựng và phát triển dòng tộc, tổ chức các sinh hoạt văn hóa, hỗ trợ công việc trong hiếu, hỉ, giáo dục con cháu theo truyền thống dòng họ,...

Cũng trong vòng trên dưới chục năm trở lại đây, nhiều dòng họ lớn đã quan tâm xây dựng từ đường chung mang tính đại diện cho họ tộc toàn quốc, thu hút được sự ủng hộ của đa số thành viên các chi họ ở các địa phương. Nhiều doanh nhân có tâm, có điều kiện kinh tế đã đứng ra làm trụ cột cho việc phát triển dòng họ, xây dựng từ đường chung cho dòng họ mình, mang tầm quốc gia, đem lại nhiều ý nghĩa và giá trị tinh thần không chỉ giới hạn trong họ tộc đó. Dòng họ Bùi với sự hiến tặng 35 nghìn mét vuông đất cùng gần 200 tỉ Việt Nam đồng của một doanh nhân thành đạt đã

làm nòng cốt để thu hút, mời gọi con cháu trong họ tộc đóng góp, xây dựng cơ ngơi từ đường vào loại lớn nhất trong các dòng họ ở Việt Nam tại thị trấn Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên; đồng thời thành lập ra các hội trực thuộc như Hội doanh nhân họ Bùi các tỉnh và toàn quốc, Hội dâu gái họ Bùi các tỉnh và toàn quốc nói chung. Hàng loạt các dòng họ khác cũng đã xây dựng từ đường chung, làm nơi hội tụ con cháu trong họ tộc từ các địa phương trong, ngoài nước về gặp mặt, chung tay bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa dòng họ trong điều kiện phát triển xã hội đương đại: Nhà thờ họ Đinh Việt Nam tại xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình; Nhà thờ họ Đỗ Việt Nam tại phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Nhà thờ họ Trương Việt Nam tại thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Nhà thờ họ Hồ Việt Nam tại làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nhà thờ họ Văn Việt Nam tại phường Mai Hùng, quận Hoàng Mai và Nhà thờ họ Dương Việt Nam tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội,... Bên cạnh đó, nhiều từ đường dòng họ ở địa phương với các giá trị nhiều mặt của văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, đã được cơ quan chức năng của Nhà nước xếp hạng di tích quốc gia, như: Nhà thờ họ Đào ở Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Nhà thờ họ Phạm ở phường Yên Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Nhà thờ họ Dương, phường Bích Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ; Nhà thờ họ Trần, xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh; Nhà thờ họ Vũ Văn, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; Nhà thờ họ Nguyễn Triệu ở Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nhà thờ họ Nguyễn đại tôn ở Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội... Đó là niềm tự hào không chỉ của con cháu của các dòng họ có từ đường được vinh danh, mà còn là niềm tự hào chung cho cả cộng đồng dân tộc.

4. KẾT LUẬN

Vấn đề dòng họ và văn hóa dòng họ ở Việt Nam nói riêng và của nhân loại nói chung đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các thể chế chính trị gia, các nhà khoa học và các thành phần quan tâm từ lâu nay.

Văn hóa dòng họ là một hiện tượng mang tính phổ quát, bao chứa nhiều giá trị vừa mang tính đặc thù và bản sắc địa phương, vùng miền, vừa mang nét tương đồng chung của khu vực và toàn thế giới.

Trong mọi hoàn cảnh và điều kiện lịch sử, dòng họ và văn hóa dòng họ, với trung tâm hiện hữu của từ đường, luôn giữ vai trò quan trọng trong việc sáng tạo, định hình, lưu giữ và trao truyền, tiếp nối, bồi đắp, sàng lọc các giá trị văn hóa gia đình – dòng họ, góp phần hình thành nên các giá trị và hệ giá trị văn hóa quốc gia, dân tộc.

Quan tâm khai thác, bảo vệ và phát huy giá trị của văn hóa dòng họ góp phần tạo động lực và sức mạnh phát triển xã hội hiện tại cũng như lâu dài là trách nhiệm và nhiệm vụ không chỉ của/từ tự thân các dòng họ mà còn là trách nhiệm và nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, trong cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Duy Anh. (2006). *Việt Nam văn hóa sử cương*. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.
- Gourou, P. (2003). *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ* (Nguyễn Khắc Đạm, Đào Hùng, & Hoàng Oanh, B.d.v). Hà Nội: Nxb Trẻ.
- Hoàng Cao Khải. (2007). *Việt sử yếu* (Hoàng Liên & Lê Xuân, B.d.v). Nghệ An: Nxb Nghệ An.
- Nguyễn Đồng Chi. (1978). Sự tồn tại của quan hệ thân tộc trong làng xã Việt Nam. Trong *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử, tập II* (tr. 183). Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Nguyễn Phú Trọng. (2022). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật.
- Nguyễn Từ Chi. (2003). *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*. Hà Nội: Nxb Văn hóa dân tộc.
- Nguyễn Văn Huyền. (2005). *Văn minh Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Hội nhà văn.
- Ph. Ăng-ghe-n. (1972). *Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của nhà nước*. Hà Nội: Nxb Sự thật.
- Trần Quốc Vượng. (2003). *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*. Hà Nội: Nxb Văn học.
- Trần Trọng Kim. (1999). *Việt Nam sử lược*. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.